TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHONG THỔ** **TỈNH LAI CHÂU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 34/2018/QĐST-HNGĐ	*Phong Thổ, ngày 18 tháng 5 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 30/2018/TLST – HNGĐ, ngày 26 tháng 3 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Chị **Lò Thị N**. -Sinh năm: 1995.

Địa chỉ: Bản H, xã B, huyện P, tỉnh Lai Châu.

Bị đơn: Anh **Vàng Văn N**. -Sinh năm: 1993.

Địa chỉ: Bản H, xã B, huyện P, tỉnh Lai Châu.

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 54, 55, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 10 tháng 5 năm 2018.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 5 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1/ Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Nguyên đơn chị Lò Thị N và bị đơn anh Vàng Văn N.

2/ Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn chị Lò Thị N và bị đơn anh Vàng Văn N thuận tình ly hôn.

* Về con chung: Nguyên đơn chị Lò Thị N và bị đơn anh Vàng Văn N có 01 con chung. Nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận, thống nhất:

- Giao con chung là cháu Vàng Thanh T, sinh ngày 25/12/2013 cho nguyên đơn chị Lò Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con chung.

- Nguyên đơn sẽ luôn tạo điều kiện cho bị đơn thực hiện quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

* Về tài sản chung: Nguyên đơn và bị đơn xác nhận không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về nợ chung: Nguyên đơn và bị đơn xác nhận không có nợ chung.

* Về án phí: Nguyên đơn chị Lò Thị N và bị đơn anh Vàng Văn N mỗi người phải chịu 75.000 đồng *(Bảy mươi lăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án thuận tình ly hôn. Nguyên đơn chị Lò Thị N tự nguyện nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho cả bị đơn. Vậy chị Lò Thị N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án thuận tình ly hôn là 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)*. Chị N đã nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí theo biên lai số: AA/2010/0002082, ngày 26 tháng 3 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu. Vậy khấu trừ án phí chị N được nhận lại 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.

3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh Lai Châu;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ;
- Các đương sự;
- Thi hành án dân sự huyện Phong Thổ;
- Ủy ban nhân dân xã B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Triệu Trung Tá